ÔN TẬP CHƯƠNG 8

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC | YÊU CẦU CẦN ĐẠT | MÃ HOÁ |
| **1. Về năng lực**  ***a. Năng lực sinh học*** | | |
| *Nhận thức  sinh học* | Tìm được từ khoá và sử dụng được thuật ngữ khoa học để kết nối thông tin theo logic có ý nghĩa trong việc xây dựng sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững. | SH 1.8.1 |
| Sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau để hoàn thành các bài tập ôn tập Chương 8. | SH 1.8.2 |
| *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học* | Vận dụng những hiểu biết về sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững để giải thích được những hiện tượng thường gặp trong đời sống. | SH 3.1 |
| ***b. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và  tự học* | Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập các nội dung về sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững; biết tự điều chỉnh cách học tập môn Sinh học cho phù hợp. | TCTH 6.3 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Lựa chọn được hình thức làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | GTHT 3 |
| *Giải quyết  vấn đề và  sáng tạo* | Nêu được ý tưởng mới trong việc hệ thống hoá kiến thức về sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững. | VĐST 3 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn khi học tập về sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững. | CC 1.1 |

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

‒ Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức Chương 8.

‒ Bộ câu hỏi có nội dung về sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững (nếu GV thiết kế trò chơi).

‒ Máy tính, máy chiếu.

2. Đối với học sinh

‒ Bảng trắng, bút lông.

‒ Giấy roki khổ A0.

‒ Thiết bị (máy tính, điện thoại) có kết nối internet.

‒ Biên bản thảo luận nhóm.

‒ Nội dung trả lời các câu hỏi trong bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

|  |
| --- |
| HOẠT ĐỘNG 1. LUYỆN TẬP (30 phút)  Hoạt động 1.1. Hệ thống hoá kiến thức (10 phút)  **a) Mục tiêu:** SH 1.8.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV thiết kế trò chơi học tập, học sinh tham gia trò chơi mở hộp trả lời câu hỏi trên website Wordwall để HS ôn tập các nội dung của Chương 8.  <https://wordwall.net/vi/resource/76136003>  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tham gia trò chơi dưới sự dẫn dắt của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trả lời câu hỏi.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV công bố bảng xếp hạng trò chơi và đáp án đúng cho mỗi câu hỏi.  ‒ GV dùng công cụ 1 để đánh giá.  Hoạt động 1.2. Hướng dẫn giải bài tập (20 phút)  **a) Mục tiêu:** SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ‒ GV chia HS thành bốn nhóm học tập và giao cho HS thực hiện các bài tập trong SGK theo mẫu Phiếu học tập số 1.  ‒ GV giao nhiệm vụ ở tiết học trước, HS thực hiện tại nhà và nộp lại cho GV trên Padlet.  https://padlet.com/thuytrang131083/sinh-h-c-k11-dg8m0ttqsmgft9i0  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS trả lời câu hỏi và nộp bài theo yêu cầu của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  ‒ GV sử dụng trò chơi học tập gọi tên học sinh trên website Wordwall để lựa chọn một vài HS đại diện trình bày câu trả lời.  <https://wordwall.net/vi/resource/76132712>  ‒ HS thảo luận về câu trả lời của các bạn, bổ sung thêm các ý còn thiếu,  đưa ra các câu hỏi còn băn khoăn để GV và các bạn trong lớp cùng giải đáp.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét, chỉnh sửa và công bố kết quả điểm số cho các nhóm.  ‒ Gợi ý trả lời câu hỏi: Xem phần hồ sơ dạy học.  ‒ GV sử dụng công cụ 2 và 7 để đánh giá. |
| HOẠT ĐỘNG 2. VẬN DỤNG (15 phút)  **a) Mục tiêu:** SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; CC 1.1.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để thực hiện các câu hỏi trong SBT.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS trả lời câu hỏi và nộp bài theo yêu cầu của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày nội dung trả lời các câu hỏi được yêu cầu.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét, chỉnh sửa câu trả lời cho các nhóm.  ‒ Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SBT.  ‒ GV sử dụng công cụ 2 và 7 để đánh giá. |

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI

|  |  |
| --- | --- |
| ÔN TẬP CHƯƠNG 8 | |
| I. Hệ thống hoá kiến thức | SGK trang 193 |
| II. Bài tập | SGK trang 194 |

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

‒ **Sản phẩm:**

**+ Sản phẩm** **1:** Câu trả lời của HS với 10 câu hỏi.

**Câu 1.** Biện pháp nào sau đây thuộc nhóm phương pháp cải tạo môi trường?

A. Loại trừ các loài ngoại lai xâm nhập.

B. Tăng cường công tác tuyên truyền, phục hồi các hệ sinh thái.

C. Trồng rừng, cải tạo đất hoang.

D. Thành lập các vườn quốc gia, khu bảo tồn.

**Câu 2.** Vì sao cần phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên?

A. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên vừa giúp bảo vệ môi trường tự nhiên, vừa bảo vệ lợi ích cho con người.

B. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên nhằm duy trì và phục hồi nguồn khoáng sản cho sự phát triển kinh tế – xã hội.

C. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên giúp con người chống con người chống lại được các hậu quả của biến đổi khí hậu.

D. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên giúp con người chống lại được các hậu quả của ô nhiễm môi trường.

**Câu 3**. Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ ...(1)... mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ ...(2)...Vị trí (1) và (2) lần lượt là

A. (1) − quá khứ, (2) – hiện tại.

B. (1) – quá khứ, (2) – tương lai.

C. (1) – hiện tại, (2) – tương lai.

D. (1) – tương lai, (2) – hiện tại.

**Câu 4**. Để phát triển bền vững cần phải có sự kết hợp cân đối, hài hoà ba trụ cột phát triển nào?

A. Kinh tế, xã hội và giáo dục.

B. Kinh tế, môi trường và giáo dục.

C. Kinh tế, xã hội và du lịch.

D. Kinh tế, xã hội và môi trường.

**Câu 5.** Có bao nhiêu nội dung dưới đây là các biện pháp phát triển bền vững? (1) Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.(2) Hạn chế gây ô nhiễm môi trường. (3) Bảo tồn đa dạng sinh học. (4) Phát triển nông nghiệp bền vững. (5) Kiểm soát phát triển dân số. (6) Giáo dục bảo vệ môi trường.

A. 6. B. 4. D. 5. D. 3.

**Câu 6.** Khi nói về tác động giữa ba trụ cột phát triển bền vững, nội dung nào sau đây **không** đúng?

A. Môi trường là đối tượng để phát triển kinh tế, môi trường bền vững sẽ tạo điều kiện tăng trưởng kinh tế.

B. Phát triển kinh tế là nguyên nhân suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên và gia tăng ô nhiễm môi trường.

C. Sự phát triển kinh tế có thể gây ra bất bình đẳng xã hội trong tiếp cận và sử dụng tài nguyên.

D. Suy thoái môi trường dẫn tới suy giảm sức khoẻ, gia tăng phát triển kinh tế và phân hoá giàu nghèo.

**Câu 7.** Những nguyên nhân nào sau đây **không** gây ô nhiễm môi trường?

A. Hoạt động của núi lửa, phân giải xác sinh vật.

B. Sử dụng các loại phân bón hoá học.

C. Sử dụng các biện pháp khống chế sinh học.

D. Sử dụng các nguyên liệu hóa thạch.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học?

A. Hạn chế ô nhiễm môi trường.

B. Bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm.

C. Chú trọng bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù.

D. Tăng cường sử dụng các sinh vật biến đổi gene.

**Câu 9.** Đâu không phải là nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học?

A. Sử dụng các loài thiên địch trong sản xuất nông nghiệp.

B. Biến đổi khí hậu.

C. Sự du nhập của các loài ngoại lai xâm hại.

D. Tạo các giống cây trồng, vật nuôi mới.

**Câu 10**. Nông nghiệp bền vững là một hệ thống nông nghiệp có sự cân bằng giữa

A. tính ổn định của môi trường, tính phù hợp kinh tế và tính khả thi về giáo dục.

B. tính ổn định của giáo dục, tính phù hợp môi trường và tính khả thi về xã hội.

C. tính ổn định của môi trường, tính phù hợp giáo dục và tính khả thi về kinh tế.

D. tính ổn định của môi trường, tính phù hợp xã hội và tính khả thi về kinh tế.

**+ Sản phẩm 2:** Bài làm trả lời câu hỏi trong SBT của HS.

**+ Sản phẩm 3:** Phiếu học tập số 1.a

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm:……………………… Họ và tên thành viên:………….………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Từ khoá trọng tâm, phân tích đề | Kết quả thảo luận |
| 1 | … | … |
| 2 | … | … |
| 3 | … | … |
| 4 | … | … |

Lưu ý (nếu có): ……………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

*Gợi ý trả lời 4 câu hỏi thảo luận.*

**Câu 1.**

– Các loài vi khuẩn, thực vật, nấm có khả năng thích nghi với môi trường bị ô nhiễm được đưa vào các hệ sinh thái đang bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây hại (như kim loại nặng, chất thải,...) được gọi là phương pháp cải tạo sinh học, chúng có thể hấp thụ và sử dụng các kim loại nặng hoặc chất thải để cung cấp năng lượng. Nhờ đó, có thể loại bỏ được các yếu tố gây hại.

– Đưa các loài vi khuẩn có khả năng cố định nitrogen vào môi trường nhằm bổ sung đạm cho đất, đặc biệt là đất nghèo dinh dưỡng.

**Câu 2.**

a) Đối với mỗi quần thể, việc nghiên cứu và đánh giá nguyên nhân làm cho quần thể bị suy giảm kích thước hoặc suy thoái là việc làm cần thiết vì thông qua đó để có thể đề xuất các biện pháp khắc phục phù hợp. Ví dụ: Đối với quần thể suy giảm do ô nhiễm môi trường, trước tiên cần phân tích nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong khu vực phân bố của quần thể, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường sống của quần thể.

b) – Do sự săn bắt của con người đã làm suy giảm kích thước của quần thể tê giác. Để bảo vệ loài tê giác một sừng cần có diện tích bảo tồn lớn nhằm đảm bảo cung cấp đủ nguồn sống cho mỗi cá thể trong quần thể, tránh được sự săn bắt của con người.

– Việc phá rừng ngập mặn làm mất đi nơi ở của nhiều loài thuỷ sản sinh sống trong rừng ngập mặn → suy giảm số lượng cá thể của quần thể. Do đó, cần phục hồi diện tích rừng ngập mặn để phục hồi môi trường sống của các loài thuỷ sản.

**Câu 3.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu** | **Vai trò** |
| 1 | Bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững. | - Giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi.  - Bảo đảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm hoạ khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai. |
| 2 | Bảo đảm cuộc sống khoẻ mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi. | - Giảm tỉ số tử vong của bà mẹ và trẻ em.  - Chấm dứt các bệnh dịch.  - Đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ;  - Tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng các chất gây nghiện. |
| 3 | Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người. | - Đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng.  - Đảm bảo tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và đào tạo. |
| 4 | Đảm bảo đầy đủ và quản lí bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người. | - Đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và nước sinh hoạt an toàn.  - Đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người.  - Cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hoá chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học. |
| 5 | Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người. | - Đảm bảo tiếp cận toàn dân đối với các dịch vụ năng lượng trong khả năng chi trả, đáng tin cậy và hiện đại.  - Mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả mọi người, đặc biệt cho các vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và hải đảo. |
| 6 | Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững. | Giảm đáng kể và kiểm soát được các loại ô nhiễm biển, đặc biệt là các hoạt động trên đất liền, chú ý đến các chất thải rắn, nước thải và ô nhiễm chất thải hữu cơ. |
| 7 | Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai. | - Giảm phát thải khí nhà kính.  - Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai để người dân có kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. |
| 8 | Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hoá, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất. | - Giảm cơ bản việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác; tăng cường thực hiện quản lí bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, tăng độ che phủ rừng.  - Ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của các loài động, thực vật nguy cấp. |

**Câu 4.** Phát biểu này là đúng vì sự phát triển của ngành Công nghiệp lạnh, sử dụng các loại máy làm lạnh (tủ lạnh, máy lạnh,...) là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng các chất làm lạnh (như chlorofluorocarbons (CFC), hydrocloruafloruacarbon (HCFC)) trong không khí. Các chất này phá huỷ cấu trúc tầng ozone dẫn đến hình thành một lỗ thủng lớn ở tầng ozone phía Nam Cực (năm 1980).

Hiện nay, Chính phủ các nước đang thực hiện các chính sách nhằm “vá” lỗ thủng ở tầng ozone, một trong số đó là Nghị định thư Montreal đã được kí kết vào năm 1987 nhằm từng bước loại bỏ việc sử dụng các chất CFC ở các nước.

**‒ Công cụ đánh giá**

+ Công cụ 1: Bảng đánh giá kết quả trả lời hệ thống câu hỏi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi/Bài tập** | **Đáp án** | **Điểm tối đa** | **Điểm HS đạt được** |
| Câu 1 | C | 1 |  |
| Câu 2 | A | 1 |  |
| Câu 3 | C | 1 |  |
| Câu 4 | D | 1 |  |
| Câu 5 | A | 1 |  |
| Câu 6 | D | 1 |  |
| Câu 7 | C | 1 |  |
| Câu 8 | D | 1 |  |
| Câu 9 | A | 1 |  |
| Câu 10 | D | 1 |  |

+ Công cụ 2: Bảng đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của HS (HS tự   
đánh giá).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Điểm  tối đa | Điểm HS  đạt được | Hành vi của HS |
| Sẵn sàng, vui vẻ nhận nhiệm vụ được giao | 1 | … | … |
| Thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân được giao | 2 | … | … |
| Chủ động liên kết các thành viên có những điều kiện khác nhau vào trong các hoạt động của nhóm | 2 | … | … |
| Sẵn sàng giúp đỡ thành viên khác trong nhóm khi cần thiết | 2 | … | … |
| Chủ động chia sẻ thông tin và học hỏi các thành viên trong nhóm | 1 | … | … |
| Đưa ra các lập luận thuyết phục được các thành viên trong nhóm | 2 | … | … |

+ Công cụ 7: Thang đo đánh giá hoạt động học tập/hoàn thành phiếu   
học tập.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Điểm tối đa | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |
| Xác định được vấn đề học tập | 2 |  |  |  |  |  |
| Trình bày được câu trả lời chính xác | 2 |  |  |  |  |  |
| Nhận biết được các sai sót và chỉnh sửa | 1 |  |  |  |  |  |
| Ghi chép nội dung học tập  đầy đủ | 1 |  |  |  |  |  |
| Giải thích cơ sở cho câu trả lời rõ ràng | 2 |  |  |  |  |  |
| Rút ra kết luận chính xác | 2 |  |  |  |  |  |

**Hết**

## *Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com*

## [*https://www.vnteach.com*](https://www.vnteach.com)

## *Hướng dẫn tìm và tải các tài liệu ở đây*

## [*https://forms.gle/LzVNwfMpYB9qH4JU6*](https://forms.gle/LzVNwfMpYB9qH4JU6)